

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 14/04 đến ngày 20/4/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 10 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 25,5⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 31⁰C, thấp nhất 21⁰C.

Âm độ trung bình 73 - 83% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 15 - 20 giờ (thấp CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.676,4 ha (làm đòng - trổ - chín sữa).
- Ngô: 2.061,9 ha (PTTL - bắp);
- Đậu tương: 57,2 ha (ra hoa - quả non);
- Lạc: 1.538 ha (đâm tia - củ non);
- Khoai lang: 293,2 ha (PTTL - củ)
- Rau các loại: 2.543,9 ha (các giai đoạn);
- Cây trồng khác: 1.984,5 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời âm u, mưa phùn, có mưa rào nhẹ, ít nắng. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại ở mức độ nhẹ - trung bình.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,3 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Lập Thạch); Sâu đục thân củ mè 0,08 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Tam Đảo); Rầy nâu 2,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 19 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 0,5 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Lập Thạch); Rầy xanh đuôi đen 0,1 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương); Sâu cuốn lá nhỏ 0,4 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Sông Lô, Bình Xuyên).

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 1,2 và trưởng thành) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,2 - 0,4%, cao 1 - 2% (Vĩnh Tường, Lập Thạch, Sông Lô).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 3,4) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,4 - 0,6 con/m², cao 2 - 4 con/m² (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 50 - 60 con/m², cao 300 - 400 con/m² cục bộ 700 - 800 con/m² (Sông Lô, Yên Lạc).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 30 - 40% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại với tỷ lệ cây hại phổ biến 4 - 6%, nơi cao 30 - 40% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường).

+ Chuột gây hại rải rác với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 1,4%, cao 10 - 12% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 5, trưởng thành) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,2 - 0,4%, cao 1 - 2% (Sông Lô, Yên Lạc).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 4, 5) gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,9 - 1%, cao 2 - 3% (Tam Dương, Tam Đảo).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 3, 4) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1 - 2 con/m², cao 7 - 8 con/m² (Yên Lạc, Tam Dương, Tam Đảo).

+ Rầy (tuổi 4, 5) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 10 - 15 con/m², cao 70 - 100 con/m² (Tam Đảo, Phúc Yên).

+ Bệnh đạo ôn lá gây hại rải rác với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,9 - 1%, cục bộ 10 - 14% (Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Đảo).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 4 - 6%, nơi cao 40 - 50% (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 10 - 16% (Bình Xuyên, Tam Dương).

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,2 - 0,4 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Vĩnh Tường, Sông Lô).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 2%, nơi cao 5 - 7% (Tam Đảo).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 21/4 - 27/4/2021

1. Cây lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột, bệnh khô vằn gây hại rải rác. Rầy (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch) gây hại nhẹ - trung bình tại các ổ cũ; bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ (Bình Xuyên) cần theo dõi để phòng chống kịp thời đạt hiệu quả.

- Trên lúa Xuân muộn: Bệnh đạo ôn lá (các huyện: Sông Lô, Lập Thạch, Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Phúc Yên, Yên Lạc) tiếp tục phát triển gây hại nhẹ - nặng cục bộ một số diện tích lúa nếu không phòng chống kịp thời; bệnh khô vằn gây hại diện rộng. Ngoài ra sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột gây hại rải rác.

2. Cây ngô

Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ, chú ý theo dõi để chỉ đạo phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên rau thập tự: Các đối tượng sâu bệnh gây hại nhẹ.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Trong giai đoạn lúa đứng cái - làm đòng - trở cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để đảm bảo sinh trưởng của cây lúa.

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sinh vật gây hại. Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) chỉ đạo cơ sở phòng chống kịp thời an toàn, hiệu quả (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,... hại lúa), đặc biệt là bệnh đạo ôn không để bệnh lây lan diện rộng. Hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp IPM, SRI (trên cây lúa); sản xuất rau theo tiêu chuẩn Viet GAP, GlobalGAP (trên cây rau).

2. Biện pháp quản lý

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và chỉ đạo phòng chống kịp thời các đối tượng sinh vật gây hại trên đồng ruộng

- Trên lúa Xuân

+ Bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng thuốc đặc hiệu như: Bump 600WP, Fuji-one 40EC, Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, ... Những ổ bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày và ngừng bón các loại phân đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Vali 5SL, Chevin 40WG, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 5SL, Validacin 5SL ...

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại, khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Chim Ưng 20WG, Virtako 40WG, Sutin 5EC... thời kỳ chắc xanh khi mật độ trên 3.000 con/m²: Cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim[®] 5WG, Lufen extra 100EC,...

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

- Tiếp tục diệt chuột tập trung ở những diện tích bị chuột gây hại. Sử dụng các biện pháp thủ công, dùng bẫy lồng, bẫy sập, bả chuột ít độc hại để diệt chuột bảo đảm an toàn cho sản xuất và đời sống

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 14/4 - 20/4/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 13/04/2021 đến ngày 20/04/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	Đòng - trỗ - chín sữa	Rầy	Con/m ²	800			1	1				-42,3	-	
		Chuột	%DH	3,3	7		49	27	22			+25	44	Rải rác
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	10	15	30	3	1,7	1	0,3		0	1	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	11	27,5		112	80	32			-98	107	Rộng
Lúa xuân muộn	Đòng - trỗ	Chuột	%DH	3,7	7,3	16,6	144	101	38	5		-150	122	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	13	28	50	1220	930	285	5		-620	1105	Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	10			1,1	1,1				-21,4	0,5	Rộng
		Bệnh đạo ôn lá	%LH	7,2	14		11	10	1			+4,997	11	Rải rác
Ngô	PTTL – bắp	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2			5	5				-	5	Rải rác
Su su	Thu hoạch	Bệnh sương mai	%CH	6,7			2	2				-	1	Hẹp
Tổng DT nhiễm SB							1548,1	1158,8	379	10,3			980,5	

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS.Trần Thị Đoàn Trang.